

DANH SÁCH CBGVNV LĨNH TIỀN THU NHẬP TĂNG THÊM NĂM 2025

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng Hệ số	Số tiền/hệ số	Thành tiền	Ký nhận
1	Hoàng Thị Nghĩa	Hiệu trưởng	9,0	115.534	1.039.806	
2	Vũ Bích Hạnh	Phó HT	9,6	115.534	1.109.127	
3	Phạm Lệ Hà	Phó HT	9,4	115.534	1.086.021	
4	Nguyễn Thị Hồng Chiêm	Kế toán	9,6	115.534	1.109.127	
5	Lê Thị Vân	Giáo viên	9,4	115.534	1.086.021	
6	Dương Thị Đãi	Giáo viên	8,0	115.534	924.271	
7	Nguyễn Thị Minh Yên	Giáo viên	9,4	115.534	1.086.021	
8	Nguyễn Thị Hải Yến	Giáo viên	9,6	115.534	1.109.127	
9	Vũ Thị Hải Hà	Giáo viên	9,6	115.534	1.109.127	
10	Lương Thị Hồng Sen	Giáo viên	9,4	115.534	1.086.021	
11	Lê Thị Thanh Huyền	Giáo viên	9,6	115.534	1.109.127	
12	Nguyễn Thị Thu Hương	Giáo viên	9,2	115.534	1.062.913	
13	Phạm Ngọc Ánh	Giáo viên	9,2	115.534	1.062.913	
14	Đỗ Thị Mai Hiền	Giáo viên	9,2	115.534	1.062.913	
15	Trần Thị Thu Hiền	Giáo viên	9,6	115.534	1.109.127	
16	Bùi Thị Hoàng Vân	Giáo viên	9,2	115.534	1.062.913	
17	Nguyễn Thị Mai	Giáo viên	9,2	115.534	1.062.913	
18	Phan Thanh Huyền	Giáo viên	9,6	115.534	1.109.127	
19	Nguyễn Thị Hương	Giáo viên	9,4	115.534	1.086.021	
20	Lê Thị Xuyên	Giáo viên	9,4	115.534	1.086.021	
21	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Giáo viên	8,8	115.534	1.016.699	
22	Lê Thu Hằng	Giáo viên	9,4	115.534	1.086.021	
23	Thẩm Mỹ Hạnh	Giáo viên	9,4	115.534	1.086.021	
24	Nguyễn Thị Ánh Hồng	Giáo viên	9,4	115.534	1.086.021	
25	Nguyễn Thị Bùi Hạnh	Giáo viên	9,4	115.534	1.086.021	
26	Đoàn Thị Hải Yến	Giáo viên	9,4	115.534	1.086.021	
27	Hoàng Thùy Dung	Giáo viên	9,2	115.534	1.062.913	
28	Nguyễn Thị Loan	Giáo viên	9,2	115.534	1.062.913	
29	Nguyễn Thị Thúy	Giáo viên	9,0	115.534	1.039.806	
30	Nguyễn Thu Hương	Giáo viên	9,4	115.534	1.086.021	
31	Phạm Thị Thủy	Giáo viên	9,0	115.534	1.039.806	



STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng Hệ số	Số tiền/hệ số	Thành tiền	Ký nhận
32	Nguyễn Thị Hà Lan	Giáo viên	9,4	115.534	1.086.021	
33	Nguyễn Thị Kim Oanh	Giáo viên	9,2	115.534	1.062.913	
34	Nguyễn Thị Thu Trang	Giáo viên	9,2	115.534	1.062.913	
35	Trần Thu Giang	Giáo viên	9,4	115.534	1.086.021	
36	Vũ Thị Thương	Giáo viên	9,4	115.534	1.086.021	
37	Nguyễn Thị Thu Hường	Y tế	9,4	115.534	1.086.021	
38	Lê Thị Hường	NVND	9,4	115.534	1.086.021	
39	Lê Thị Kim Huế	NVND	9,2	115.534	1.062.913	
40	Hoàng Thị Thúy Hoa	NVND	9,4	115.534	1.086.021	
41	Đỗ Thị Bích Liên	NVND	9,4	115.534	1.086.021	
42	Trần Thị Thanh Tâm	NVND	9,4	115.534	1.086.021	
43	Nguyễn Hồng Tươi	NVND	9,4	115.534	1.086.021	
44	Nguyễn Thị Thúy Hà	NVND	9,2	115.534	1.062.913	
45	Dương Thị Hồng Nhung	NVND	9,2	115.534	1.062.913	
46	Đỗ Thị Ngọc Bích	NVND	9,4	115.534	1.086.021	
47	Đỗ Đình Đạo	Bảo vệ	9,2	115.534	1.062.913	
48	Dương Văn Quân	Bảo vệ	8,0	115.534	924.271	
49	Nguyễn Hồng Sinh	Bảo vệ	8,0	115.534	924.271	
50	Nguyễn Thị Thu Hà	Giáo viên	9,2	115.534	1.062.913	
51	Lương Bích Quyên	Giáo viên	9,2	115.534	1.062.913	
52	Phùng Bích Ngọc	Giáo viên	5,0	115.534	577.669	
53	Nguyễn Thị Thanh Huệ	Giáo viên	5,2	115.534	600.776	
54	Hoàng Thị Phương Hoa	Giáo viên	9,4	115.534	1.086.021	
55	Nguyễn Thị Phương Lan	Văn thư	9,6	115.534	1.109.127	
Tổng cộng			501,0		57.882.569	

Bảng chữ: Năm mươi bảy triệu tám trăm tám mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng.

Long Biên, ngày 25 tháng 12 năm 2025

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Hồng Chiêm

HIỆU TRƯỞNG
 Hoàng Thị Nghĩa

